Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.12.2019 08:19:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2769 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tân Biên năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều qui định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 06/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định tiêu chí phân loại ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Tân Biên tại Tờ trình số 301/TTr-UBND ngày 29/11/2019 về việc đề nghị phân loại ấp, khu phố trên địa bàn huyện Tân Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 707/TTr-SNV ngày 17../12../2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kết quả phân loại ấp, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tân Biên năm 2019 *(có Phụ lục kết quả phân loại ấp, khu phố kèm theo).*

Điều 2. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND huyện và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thuộc huyện Tân Biên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Vp. Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, VP.ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN TÂN BIÊN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên đơn vị	Diện tích (ha)	Dân số	Hộ	Phân loại xã			Điểm				Tổng số điểm	Tự phân loại của UBND huyện	Kết quả thẩm định của UBND tỉnh
			(người)		Loại 1	Loại 2	Loại 3	Diện tích	Dân số	Hộ	Phân loại xã			
I	**UBND xã Hòa Hiệp (04 ấp)**	**9,185.20**	**7750**	**2077**	**X**									
1	Ấp Hòa Đông B	2348.7	1065	301				100	55	56	30	**241**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Hòa Đông A	2731.5	3532	915				100	139	120	30	**389**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Hòa Lợi	1903.9	1195	318				100	59	58	30	**247**	Loại 2	**Loại 2**
4	Ấp Hòa Bình	2201.1	1958	543				100	87	82	30	**298**	Loại 1	**Loại 1**
II	**UBND xã Thạnh Bắc (04 ấp)**	**8,717.09**	**3584**	**1010**		**X**								
1	Ấp Bàu Bền	4052.09	1435	398				100	68	67	20	**255**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Thạnh Hiệp	2091	759	207				100	45	46	20	**211**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Bàu Rã	1316	678	202				100	45	45	20	**210**	Loại 2	**Loại 2**
4	Ấp Suối Mây	1258	712	203				100	45	45	20	**210**	Loại 2	**Loại 2**
III	**UBND xã Mỏ Công (07 ấp)**	**4,247.95**	**10168**	**2860**	**X**									
1	Ấp Thanh Tân	233.6	2045	550				39	90	83	30	**241**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Một	232.7	1340	406				39	65	68	30	**202**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Gò Đá	723.3	2415	666				90	102	95	30	**317**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Thanh Xuân	1410.5	1308	337				100	64	60	30	**253**	Loại 2	**Loại 2**
5	ẤP Thanh Hòa	177.85	709	208				35	45	46	30	**156**	Loại 3	**Loại 3**
6	ẤP Dinh	314.3	1014	297				48	53	56	30	**187**	Loại 3	**Loại 3**
7	Ấp Thanh An	1155.7	1337	396				100	65	67	30	**262**	Loại 2	**Loại 2**
IV	**UBND xã Thạnh Tây (05 ấp)**	**5,748.67**	**11715**	**3141**	**X**									
1	Ấp Thạnh Tân	921.52	2218	585				100	95	87	30	**312**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Thạnh Trung	890.22	2866	728				100	117	101	30	**348**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Thạnh Tây	1845.33	1816	555				100	82	84	30	**296**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Thạnh Sơn	989	2763	725				100	113	101	30	**344**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Thạnh Nam	1102.6	2052	548				100	90	83	30	**303**	Loại 1	**Loại 1**
V	**UBND Thị trấn Tân Biên (07 khu phố)**	**828.28**	**14692**	**4100**	**X**									

1	KP1	195.78	2218	653				83	78	83	30	**274**	Loại 1	**Loại 1**
2	KP2	92	2236	635				47	79	82	30	**238**	Loại 2	**Loại 2**
3	KP3	86.46	2137	648				45	76	83	30	**234**	Loại 2	**Loại 2**
4	KP4	102	2263	602				50	80	78	30	**237**	Loại 2	**Loại 2**
5	KP5	153.09	2035	519				69	73	69	30	**241**	Loại 2	**Loại 2**
6	KP6	93.95	1890	495				47	69	66	30	**212**	Loại 2	**Loại 2**
7	KP7	105	1913	548				52	70	72	30	**224**	Loại 2	**Loại 2**
VI	**UBND xã Tân Phong (08 ấp)**	**6,464.00**	**13554**	**3744**	**x**									
1	Ấp Cầu	680.1	1823	483				86	82	76	30	**274**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Trại Bí	586.5	1782	479				77	81	76	30	**264**	Loại 2	**Loại 2**
3	Ấp Sân Bay	398.2	2687	743				57	111	102	30	**300**	Loại 1	**Loại 1**
4	ẤP Xóm Tháp	1490.1	2254	624				100	96	90	30	**316**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Mới	315.1	1025	291				48	53	55	30	**186**	Loại 3	**Loại 3**
6	Ấp Đồng Dài	1294.6	896	225				100	49	48	30	**227**	Loại 2	**Loại 2**
7	Ấp Gò Cát	836.2	1895	552				100	85	83	30	**298**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Bàu Đưng	863.2	1192	347				100	59	61	30	**251**	Loại 2	**Loại 2**
VII	**UBND xã Thạnh Bình (08 ấp)**	**11,096.52**	**13528**	**3727**	**X**									
1	Ấp Thạnh Tân	861.7	475	130				100	45	45	30	**220**	Loại 2	**Loại 2**
2	Ấp Thạnh Hòa	1523.32	2182	618				100	94	90	30	**314**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Thạnh Phước	2647.4	1556	428				100	73	70	30	**273**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp Thạnh Lộc	747.4	1627	463				93	75	74	30	**272**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Thạnh Lợi	1446.6	2119	594				100	92	87	30	**309**	Loại 1	**Loại 1**
6	Ấp Thạnh an	835.8	2129	547				102	92	83	30	**305**	Loại 1	**Loại 1**
7	Ấp Thạnh Thọ	2174.9	1545	433				100	72	71	30	**273**	Loại 1	**Loại 1**
8	Ấp Thạnh Phú	859.4	1895	514				100	85	79	30	**294**	Loại 1	**Loại 1**
VIII	**UBND xã Tân Bình (04 ấp)**	**17,832.40**	**5872**	**1628**	**x**									
1	ấp Tân Minh	150	1191	323				35	59	59	30	**183**	Loại 3	**Loại 3**
2	ấp Tân Thạnh	580	1608	430				76	75	70	30	**251**	Loại 2	**Loại 2**
3	ấp Tân Thanh	253	2290	647				41	98	93	30	**262**	Loại 2	**Loại 2**
4	ấp Tân Nam	16849.4	783	228				100	45	48	30	**223**	Loại 2	**Loại 2**
IX	**UBND xã Tân Lập (05 ấp)**	**17,029.26**	**10863**	**3,056**	**x**									
1	Ấp Tân Đông 1	10,226.38	2416	678				100	102	96	30	**328**	Loại 1	**Loại 1**
2	Ấp Tân Đông 2	692.44	1637	511				87	76	79	30	**272**	Loại 1	**Loại 1**
3	Ấp Tân Hòa	83.28	2234	671				35	96	95	30	**256**	Loại 2	**Loại 2**
4	Ấp Tân Khai	1,732.16	1533	418				100	72	69	30	**271**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp Tân Tiến	4,295	3043	778				100	123	106	30	**359**	Loại 1	**Loại 1**
X	**UBND xã Trà Vong (06 ấp)**	**4,947.80**	**10665**	**3013**	**x**									
1	Ấp Suối Ông Đình	882	3112	903				100	125	118	30	**373**	Loại 1	**Loại 1**
2	ẤP 2	502	1311	364				68	64	63	30	**225**	Loại 2	**Loại 2**

3	Ấp 3	974	1736	515				100	79	80	30	**289**	Loại 1	**Loại 1**
4	Ấp 4	776	1968	561				96	87	84	30	**297**	Loại 1	**Loại 1**
5	Ấp 5	921	831	229				100	46	48	30	**224**	Loại 2	**Loại 2**
6	Ấp Trà Hiệp	892.8	1707	441				100	78	72	30	**280**	Loại 1	**Loại 1**
TỔNG CỘNG		**86,097.17**	**102,391**	**28,356**										

Tổng số 58 ấp, khu phố, trong đó:

- Loại 1: 28
- Loại 2: 26
- Loại 3: 4

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

TỔNG HỢP PHÂN LOẠI ẤP, KHU PHỐ CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN THUỘC HUYỆN TÂN BIÊN NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 2769 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Đơn vị	Tổng số ấp, khu phố	Loại 1	Loại 2	Loại 3	Ghi chú
1	UBND xã Hòa Hiệp	4	2	2	0	
2	UBND xã Thạnh Bắc	4	0	4	0	
3	UBND xã Mỏ Công	7	1	4	2	
4	UBND xã Thạnh Tây	5	5	0	0	
5	UBND Thị trấn Tân Biên	7	1	6	0	
6	UBND xã Tân Phong	8	4	3	1	
7	UBND xã Thạnh Bình	8	7	1	0	
8	UBND xã Tân Bình	4	0	3	1	
9	UBND xã Tân Lập	5	4	1	0	
10	UBND xã Trà Vong	6	4	2	0	
	Tổng số	**58**	**28**	**26**	**4**	